hàn gōng

焊工

noun · welder

Example Sentences

tā shì yī míng hàn gōng
他是一名焊工。

He is a welder.

hàn gōng xū yào dài fáng hù yǎn jìng
焊工需要戴防护眼镜。

A welder needs to wear protective goggles.

zhè wèi hàn gōng de jì shù fēi cháng shú liàn
这位焊工的技术非常熟练。

This welder's skill is very proficient.
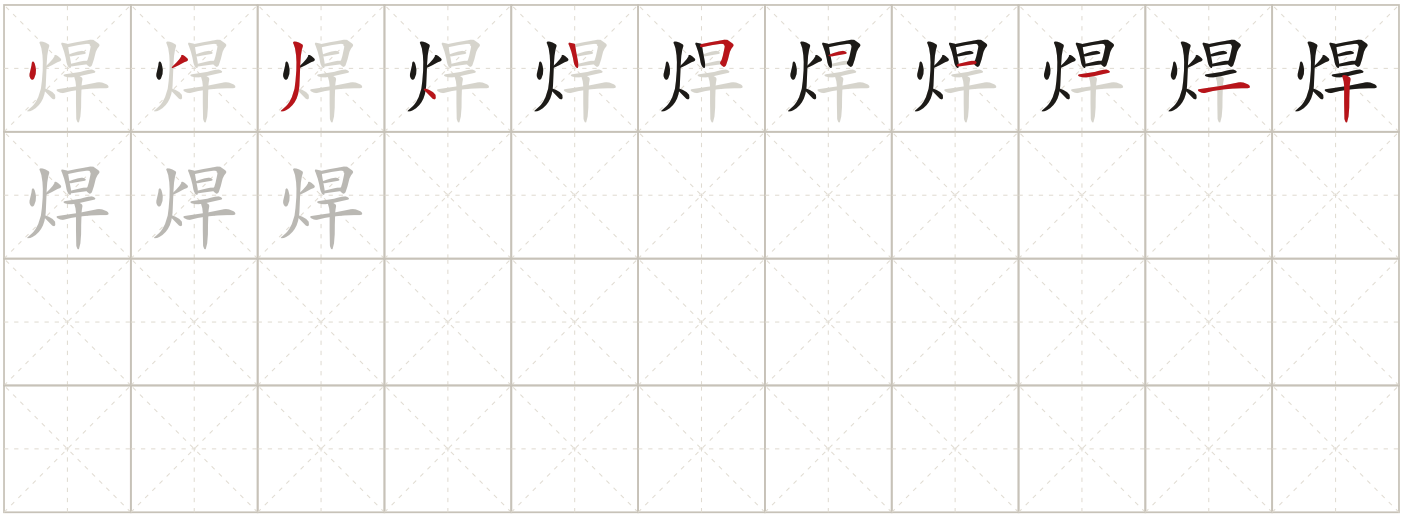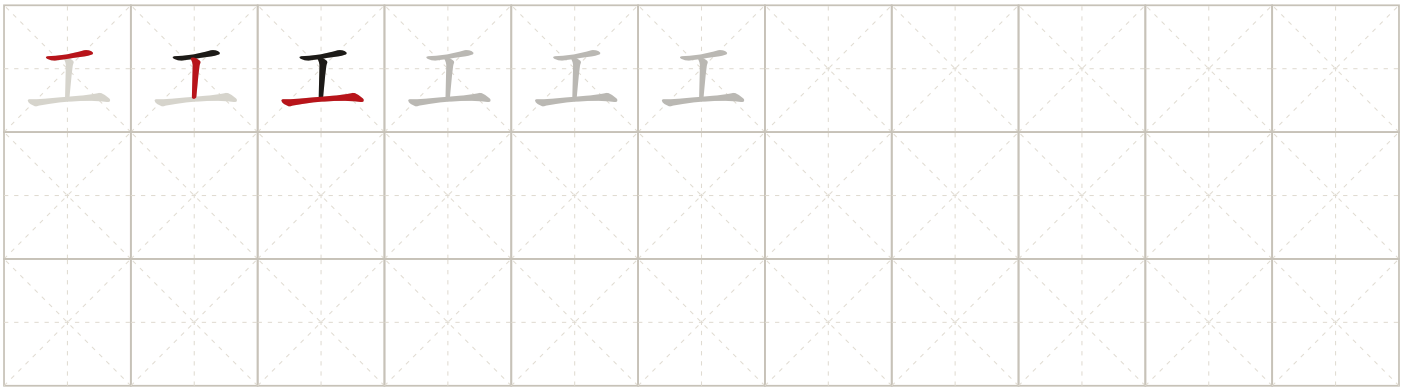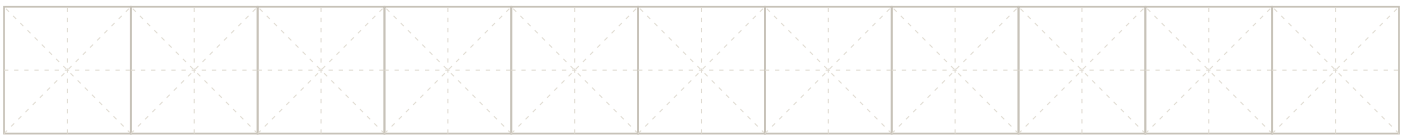
Trace each character, then write the word on your own.